

Châu Thành, ngày 08 tháng 01 năm 2026

Số: 03/2026/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông N – sinh năm 1973.

Địa chỉ: khu 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tì

Nay là: ấp 2, xã T, tỉnh Đ

- Bị đơn: Bà H - sinh năm 1954.

Đại diện theo uỷ quyền: ông M – sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: khu 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tì

Nay là: ấp 2, xã T, tỉnh Đ

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông M – sinh năm 1974

2/ Bà H – sinh năm 1976

3/ Bà H – sinh năm 1993

4/ Ông K – sinh năm 1999

Địa chỉ: khu 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tì

Nay là: ấp 2, xã T, tỉnh Đ

5/ Bà **C** – sinh năm 1948

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh T

Nay là: ấp P, xã L, tỉnh Đ

Đại diện theo uỷ quyền: Ông N – sinh năm 1973.

Địa chỉ: khu 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh T

Nay là: ấp 2, xã T, tỉnh Đ

6/ Ông **P** – sinh năm 1978

Địa chỉ: khu 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh T

Nay là: ấp 2, xã T, tỉnh Đ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông N có trách nhiệm giao cho bà H số tiền **50.000.000** đồng (năm mươi triệu đồng), vào ngày 31/12/2025.

(Hai bên đã tiến hành giao nhận tiền xong)

Ông N được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích **234m²** thuộc thửa số 121, tờ bản đồ số 2. Địa chỉ tại ấp 2, xã T, tỉnh Đ.

(Có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông N phải chịu **625.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp theo biên lai thu số 011673 ngày 03/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Do đó, ông N còn phải nộp tiếp **425.000** đồng

Bà H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông M **851.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà ông M đã nộp theo biên lai thu số 17602 ngày 03/7/2015 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV 3;
- PTHADS KV 3;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tuấn Anh